CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Chiếu xạ An Phú

Ngày 30/09/2025	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**0%**	**-7.1%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 8,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	155
Số lượng CPLH (CP)	19,905,025
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,800
Sở hữu nước ngoài	14.9%
Beta	1.23
EPS	-1,228
P/E	-6.4

DT thuần
Q3/25
31.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10| 7.4%
YoY: ▼4.10| -11.6%

LN thuần
Q3/25
-3.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.36| 49.4%
YoY: ▼2.63| -325%

LN sau thuế
Q3/25
-3.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.17| 47.9%
YoY: ▼2.51| -270%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-0.6%
YoY: +/-▲ 10.5%

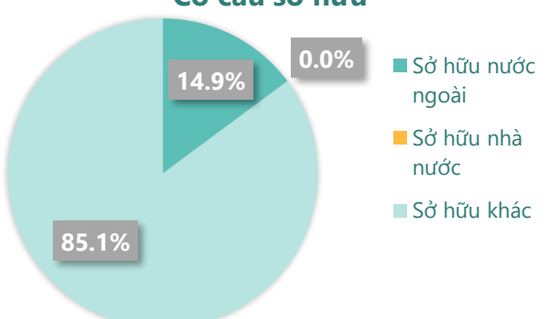
ROE (TTM)
Q3/25
-4.3%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
9T 2025
85.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.0| -13.1%

LN thuần
9T 2025
-18.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.40| -22.9%

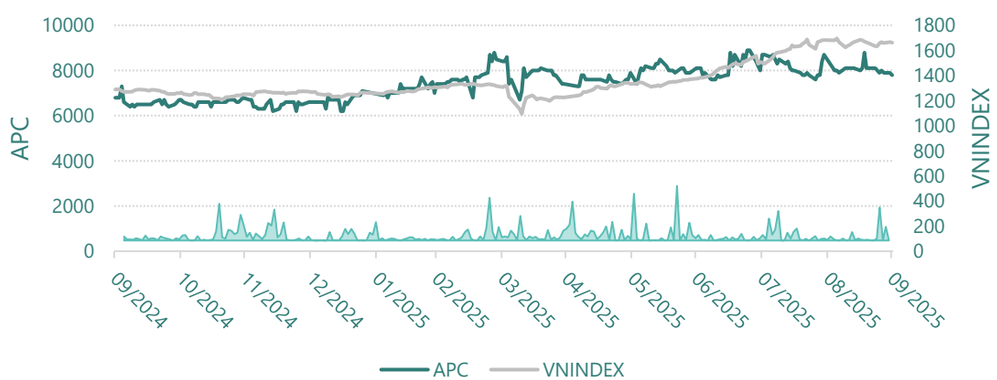
LN sau thuế
9T 2025
-18.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.60| -24.9%

Cơ cấu sở hữu

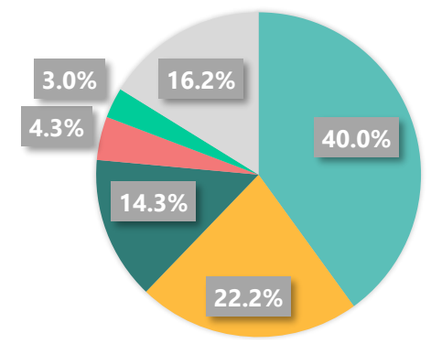


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

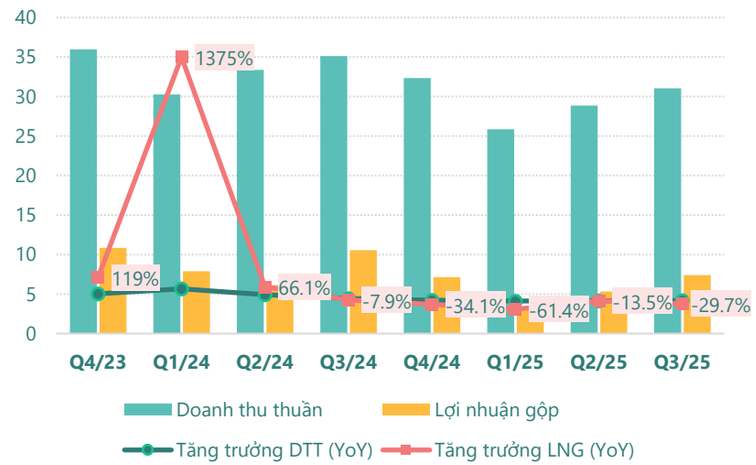


- Võ Thùy Dương (Tổng giám đốc)
- Công ty TNHH Thái Sơn
- Torus Capital Investments Pte. Ltd.
- Võ Thái Sơn (Phó Tổng giám đốc)
- Lê Thị Mỹ Duyên (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

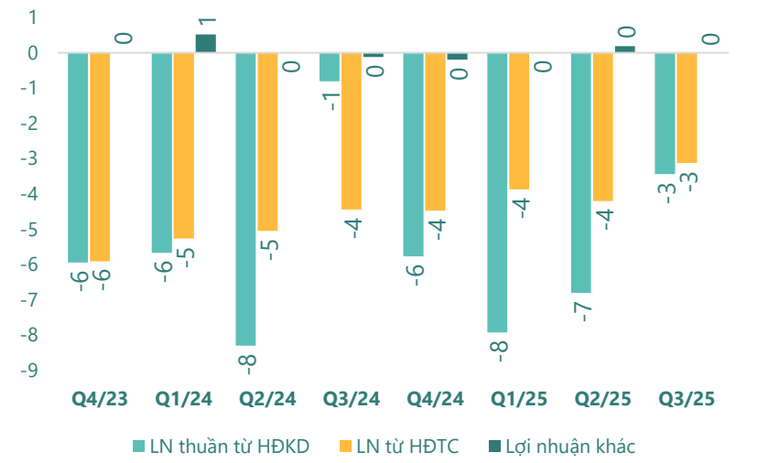
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



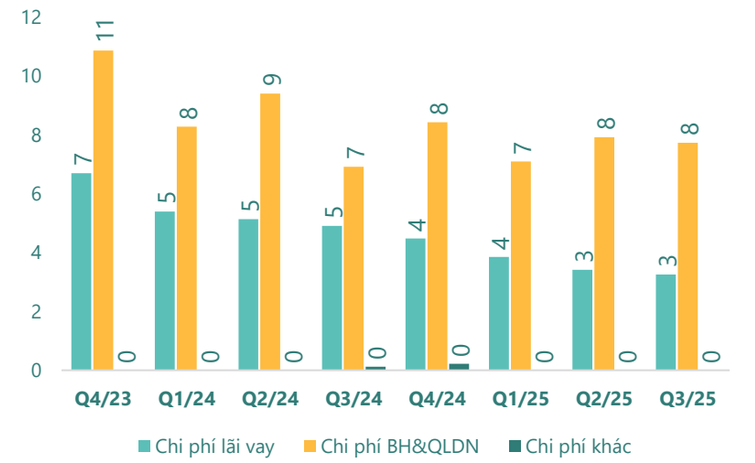
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



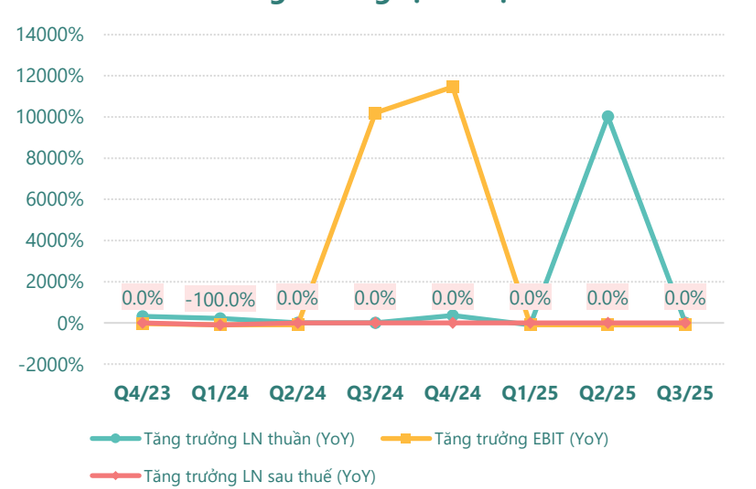
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



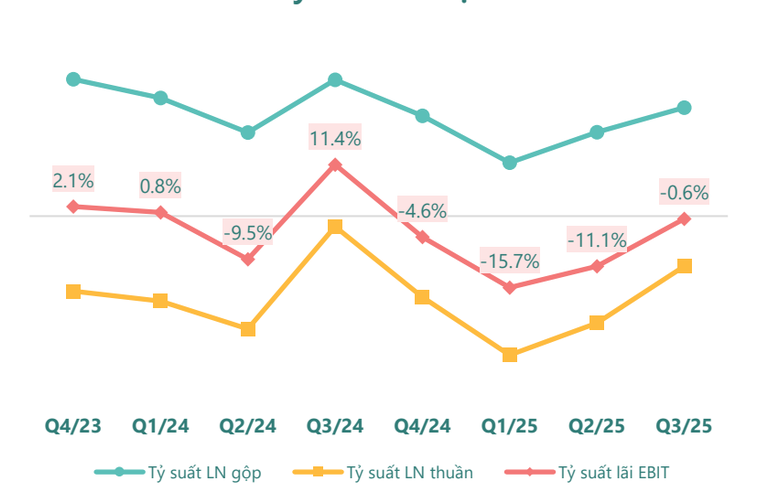
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



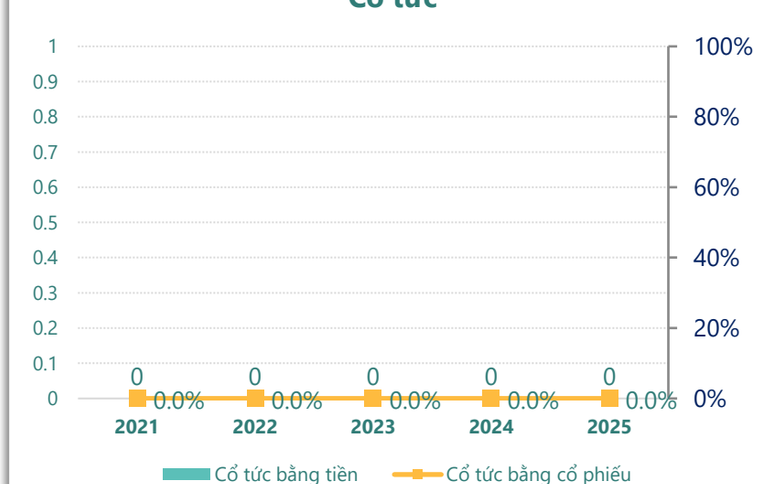
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

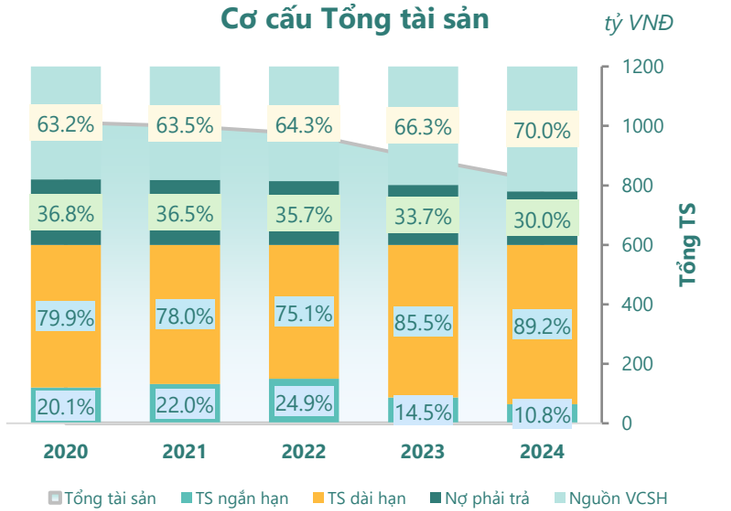
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

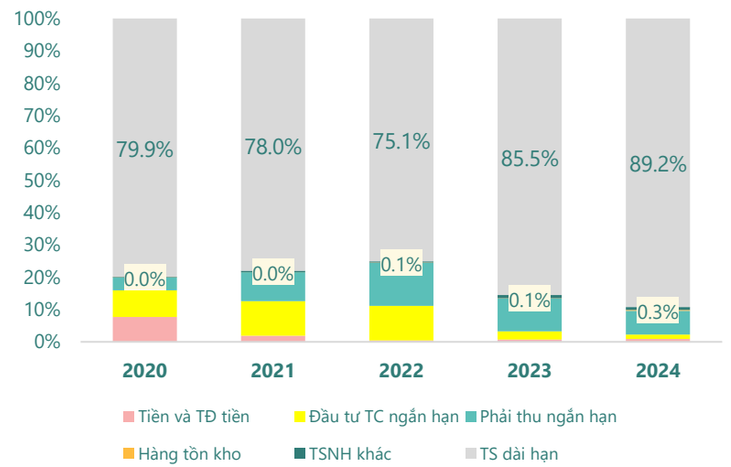
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



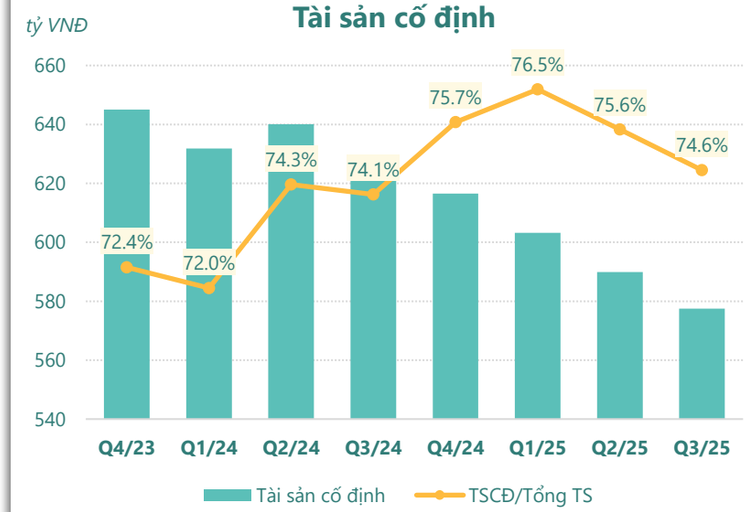
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



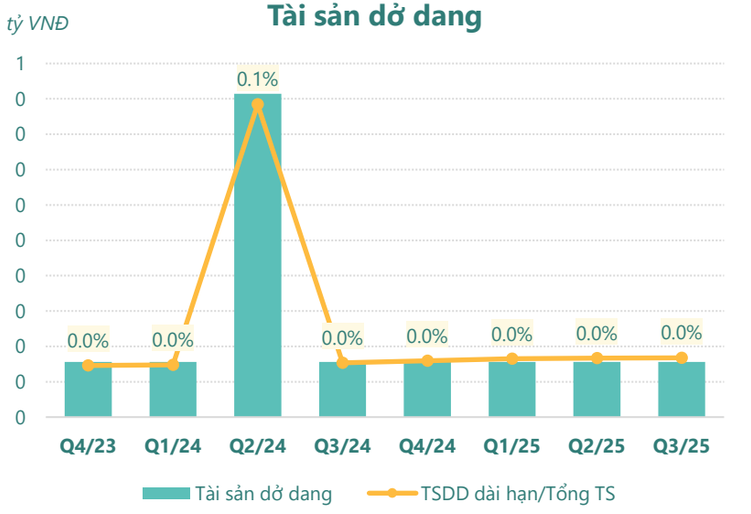
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



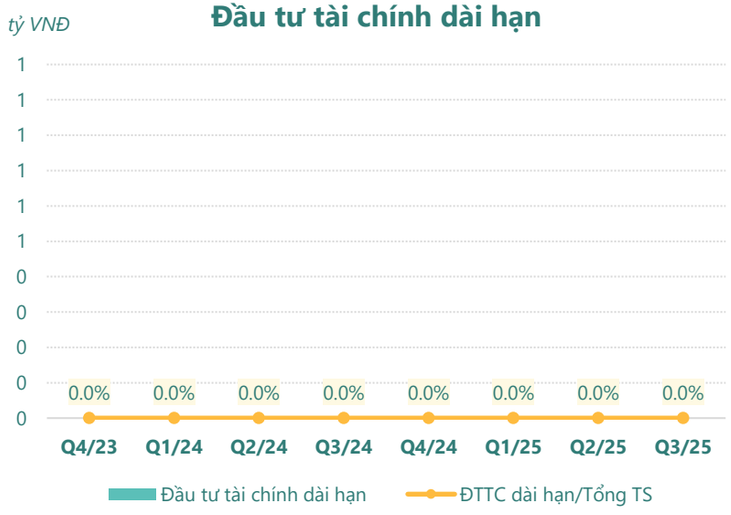
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



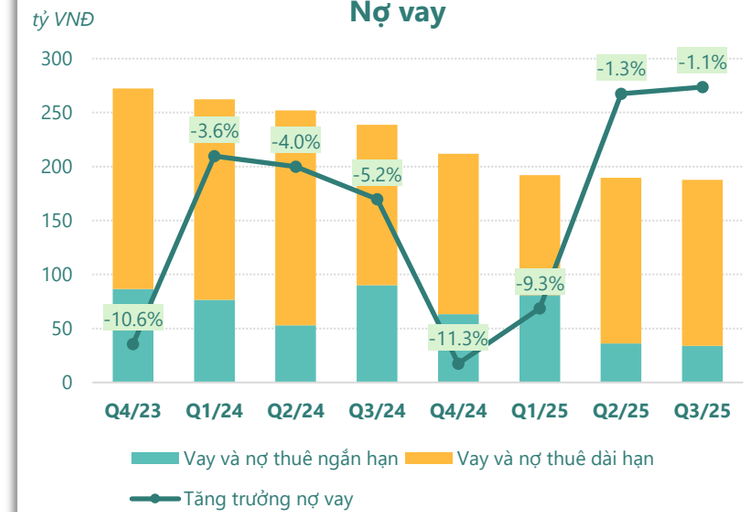
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

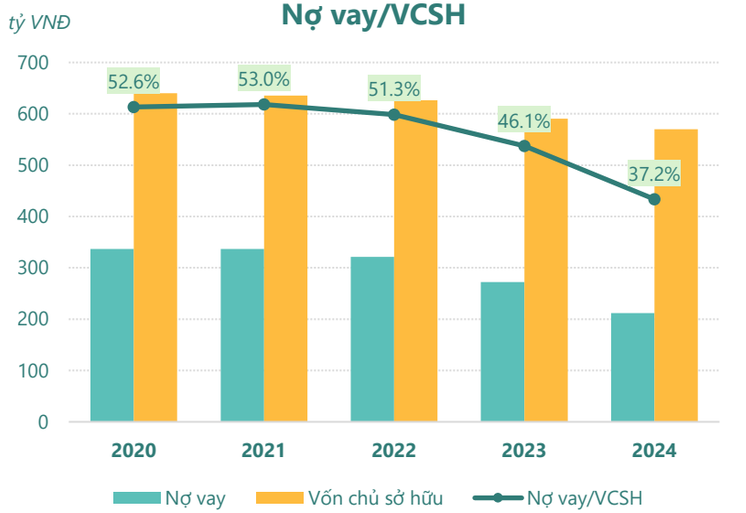
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

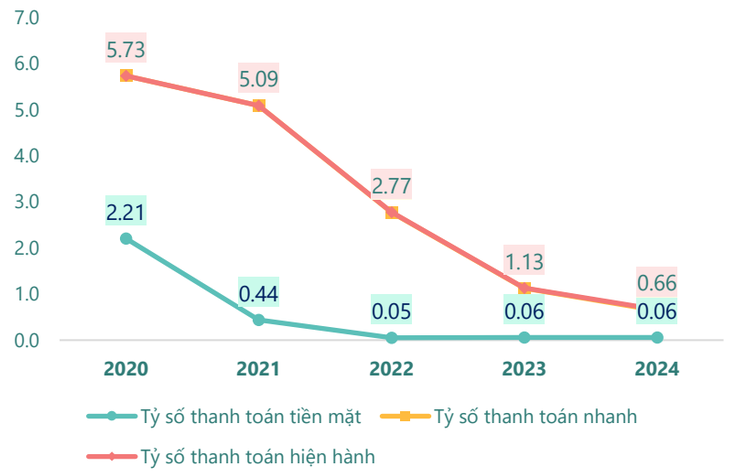
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



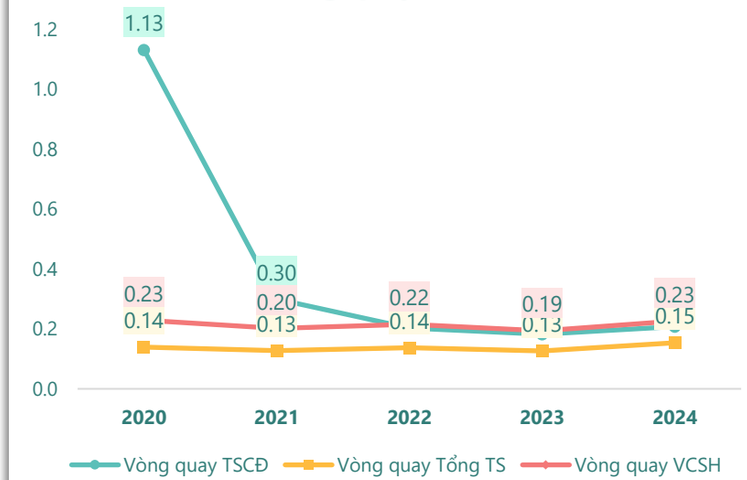
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



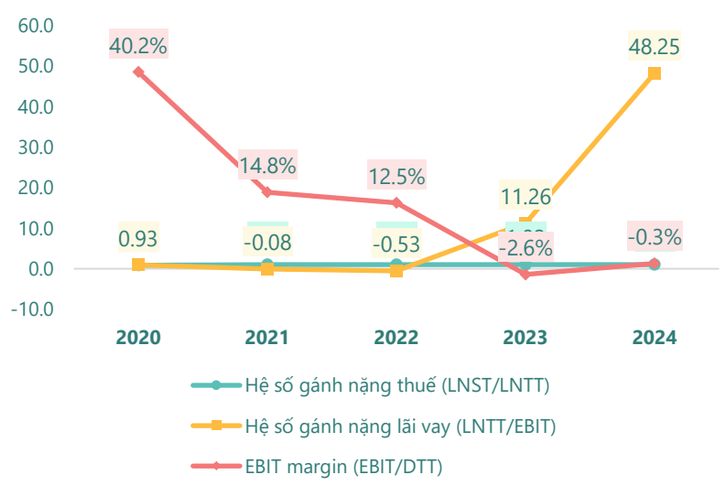
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



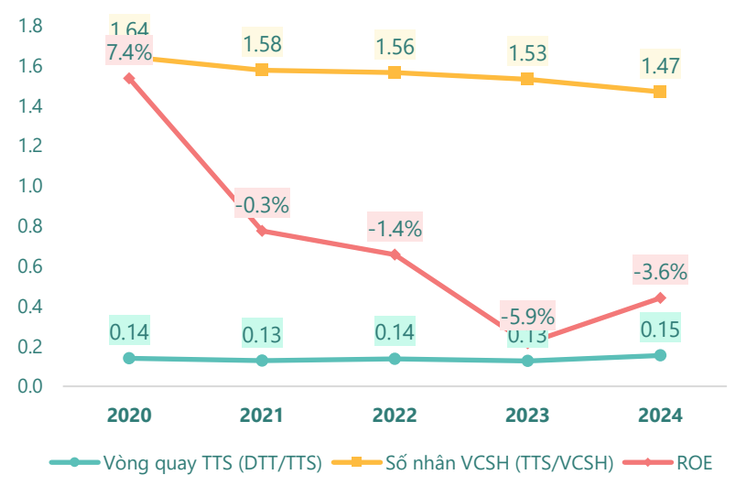
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



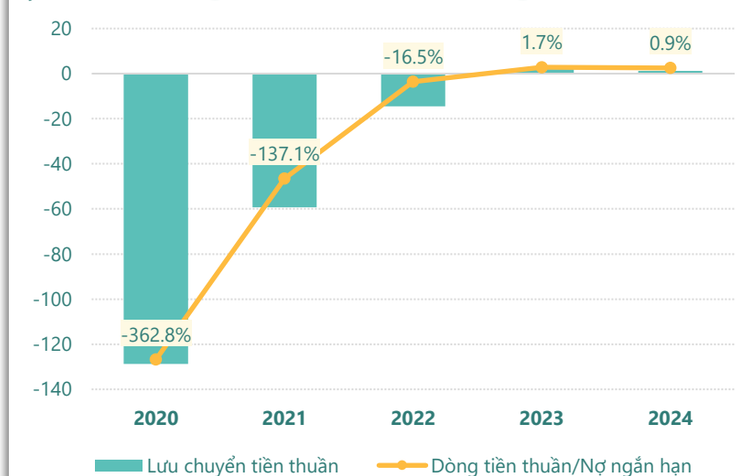
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**31.0**	**35.1**	**-11.6%**	**85.8**	**98.8**	**-13.1%**
Giá vốn hàng bán	23.6	24.6	-4.0%	70.0	74.2	-5.6%
Lợi nhuận gộp	7.42	10.6	-30.0%	15.8	24.6	-35.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.28	-98.9%	0.01	0.85	-98.6%
Chi phí TC	3.12	4.72	-33.8%	11.2	15.6	-28.2%
Chi phí lãi vay	3.25	4.92	-33.9%	10.5	15.5	-31.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.83	0.99	-15.8%	2.57	3.53	-27.1%
Chi phí QLDN	**6.90**	**5.93**	**16.4%**	**20.2**	**21.1**	**-4.3%**
LN thuần từ HĐKD	-3.44	-0.81	-325%	-18.2	-14.8	-22.9%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.12**	**100%**	**0.19**	**0.39**	**-51.7%**
LN trước thuế	-3.44	-0.93	-270%	-18.0	-14.4	-24.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.44**	**-0.93**	**-270%**	**-18.0**	**-14.4**	**-24.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.44**	**-0.93**	**-270%**	**-18.0**	**-14.4**	**-24.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.0	16.2	15.3	10.7	8.58	15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.82	-0.79	10.9	10.9	-0.03	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.5	-13.1	-27.0	-19.6	-2.51	-2.00
Tiền đầu kỳ	7.43	6.13	8.37	7.69	9.66	15.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.30**	**2.27**	**-0.73**	**1.97**	**6.04**	**3.40**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.03	0.05	0	0.20	0
Tiền cuối kỳ	6.13	8.37	7.69	9.66	15.9	19.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**774**	**814**	**-5.0%**
Tài sản ngắn hạn	94.2	87.9	7.2%
Tiền và tương đương tiền	19.3	7.69	151%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.58	10.6	-10.0%
Phải thu ngắn hạn	56.7	59.5	-4.7%
Hàng tồn kho	2.87	2.83	1.4%
Tài sản ngắn hạn khác	5.75	7.22	-20.4%
Tài sản dài hạn	**680**	**726**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	0.0%
Tài sản cố định	577	616	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**91.7**	**99.4**	**-7.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	222	244	-9.2%
Nợ ngắn hạn	**67.7**	**132**	**-48.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.0	100	-66.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.8	11.7	9.9%
Nợ dài hạn	154	112	37.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	154	111	38.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**552**	**570**	**-3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**552**	**570**	**-3.2%**
Vốn điều lệ	201	201	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)